TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2020/QĐST- DS	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166; 254 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 99, Điều 100; Điều 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 161 /TLST-DS ngày 05/12/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1936

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1947

HKTT: Xóm CS5, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của bà Bé: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1936

*** Bị đơn:**

1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1956

2. Bà Tưởng Tuyết Nh, sinh năm 1968

Đều trú tại: Xóm CS5, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Nguyễn Quý D, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm CS2, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Thanh H, sinh năm 1959 (chồng bà Mĩn)

2. Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1965 (chồng bà Nhung)

Đều trú tại: Xóm CS5, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1983 (Vợ ông Dương)

Trú tại: Xóm CS2, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất: Vợ chồng ông, bà Nguyễn Xuân T1 - Tưởng Tuyết Nh và vợ chồng anh, chị Nguyễn Quý D – Lê Thị H1 nhất trí trả lại cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B diện tích đất tranh chấp 32,5m^2, loại đất vườn tạp *(trong đó, đất đã đổ bê tông là 27,9 m^2, đất không bê tông là 4,6 m^2)* thuộc thửa 365, tờ bản đồ số 60 tại xóm Cao Sơn 5, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Vợ chồng ông, bà Phạm Văn T – Trần Thị B và ông, bà Dương Thanh H – Hoàng Thị M đồng ý giành một phần đất làm lối chung cho các gia đình. Diện tích lối đi mới là 26 m^2 (loại đất vườn tạp), trong đó có 18,5 m^2 đất thuộc thửa đất số 356, tờ bản đồ số 60 của vợ, chồng ông T– bà B và 7,5m^2 đất thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 60 của vợ, chồng ông H – bà M, diện tích đất trên thuộc xóm Cao Sơn 5, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí lối đi mới được ký hiệu tại các điểm 2-3-4-5-6-7-8-9-10 *(Có trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).*

Phần lối đi mới sẽ thuộc sở hữu chung của các ông, bà Nguyễn Xuân T1 - Tưởng Tuyết Nh; vợ chồng anh, chị Nguyễn Quý D – Lê Thị H1; ông, bà Phạm Văn T – Trần Thị B và ông Dương Thanh H – bà Hoàng Thị M. Các ông, bà có tên trên không được tự ý chuyển nhượng, chuyển đổi nếu không có sự đồng ý của những người còn lại.

2.3. Án phí: Vợ chồng ông, bà Nguyễn Xuân T1 - Tưởng Tuyết Nh nhận nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Vợ chồng anh, chị Nguyễn Quý D – Lê Thị H1 nhận nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Hoàn lại cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị B 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002409 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân